

Số: 76/2021/QĐST- HNGĐ

C.B, ngày 13 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC
ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Đỗ Thị L** – Sinh năm 1979

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện S, thành phố N.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Đức T** – Sinh năm 1979

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 09, phường Đ, thành phố C.B tỉnh C.B.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà **Đỗ Thị L** – Sinh năm 1979

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện S, thành phố N.

Ông **Nguyễn Đức T** – Sinh năm 1979

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 09, phường Đ, thành phố C.B, tỉnh C.B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị L và Ông Nguyễn Đức T.

- **Về con chung:** Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về việc chia tài sản chung:** Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung, nợ riêng:** Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:**

Bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Đức T mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn.

Hai bên đương sự tự nguyện thoả thuận bà Đỗ Thị L chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung công quỹ nhà nước. Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà Đỗ Thị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001068 ngày 17/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.B, tỉnh C.B. Xác nhận bà Đỗ Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm và còn được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường Đ, TP. CB;
- UBND xã H, H. S;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Bế Lan Phương